BẢNG KÊ HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ CỦA HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO

(Kèm theo tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT)

[01] Kỳ tính thuế: tháng..... năm .... hoặc quý....năm....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế		Tên người bán	Mã số thuế người bán	Giá trị HHDV mua vào chưa có thuế	Thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ thuế	G
	Số hóa đơn	Ngày, tháng, năm lập hóa đơn					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
1. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT và sử dụng cho các hoạt động cung cấp h hoá, dịch vụ không kê khai, nộp thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ thuế:							
Tổng							
2. Hàng hoá, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế và không chịu thuế đủ điều kiện khấu trừ thuế:							
Tổng							
3. Hàng hóa, dịch vụ dùng cho dự án đầu tư đủ điều kiện được khấu trừ thuế (*):							
Tổng							

Tổng giá trị HHDV mua vào phục vụ SXKD được khấu trừ thuế GTGT (**): .....

Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào đủ điều kiện được khấu trừ (***): .....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày .....tháng .....năm .....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:…….

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(*) Tổng hợp theo từng dự án đầu tư thuộc trường hợp được hoàn thuế GTGT.

(**) Tổng giá trị HHDV mua vào phục vụ SXKD được khấu trừ thuế GTGT là tổng cộng số liệu tại cột 6 của dòng tổng của các chỉ tiêu 1, 2.

(***) Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào đủ điều kiện được khấu trừ là tổng cộng số liệu tại cột 7 của dòng tổng của các chỉ tiêu 1, 2.

- *GTGT: giá trị gia tăng.*
- *SXKD: sản xuất kinh doanh.*
- *HHDV: hàng hóa dịch vụ.*